



HUFI HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF
FOOD INDUSTRY
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HCM

TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TP. HỒ CHÍ MINH

SINH HOẠT CHÍNH TRỊ ĐẦU KHÓA NĂM 2021





Chuyên đề 3

CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VÀ NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I.

KHÁI QUÁT VỀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

II.

QUÁ TRÌNH XÁC LẬP VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TRÊN QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

III.

QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG

IV.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I.

KHÁI QUÁT VỀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM

1. Vị trí địa lý

Nằm ở rìa tây Thái Bình Dương, diện tích 3,5 triệu Km²; tiếp giáp 9 nước (Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, Ấnônêxia, Bruney, Malayxia, Singapore, Thái Lan, Campuchia và một vùng lãnh thổ là Đài Loan)

- Việt Nam có đường bờ biển dài 3.260 km; có 28/63 tỉnh, thành phố có biển; có 1 triệu km² biển, gấp 3 lần diện tích đất liền;
- Có khoảng 3000 hòn đảo lớn, nhỏ và 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa;

- Theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, các quốc gia ven biển có 05 vùng biển gồm:

- + **Nội thủy:** nằm bên trong đường cơ sở;
- + **Lãnh hải:** có chiều rộng 12 hải lý;
- + **Vùng đặc quyền kinh tế:** Có chiều rộng 24 hải lý từ đường cơ sở.
- + **Thềm lục địa:** có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở; riêng thềm lục địa có thể kéo dài ra tới 350 hải lý

2. Tiềm năng và tầm quan trọng của biển

+ *Về kinh tế.*

- Hải sản
- Rong biển
- Khoáng sản
- Dầu mỏ
- Giao thông
- Du lịch

+ *Quốc phòng, an ninh:*

Biển nước ta nằm trên đường giao thông quốc tế từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, vì vậy có vị trí quân sự hết sức quan trọng.

+ Là cửa ngõ giao thương với bên ngoài

II.

QUÁ TRÌNH XÁC LẬP VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TRÊN QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

1. Cội nguồn của biển cả

- **Từ xa xưa**, tổ tiên ta không chỉ sinh sống trên đất liền mà còn gắn bó với biển khơi. (**truyền thuyết**, Lạc Long Quân và Âu Cơ, Chử Đồng Tử, Mai An Tiêm...)
- Người Việt không chỉ ra khai thác, chinh phục biển mà còn để lại một nền **văn minh biển** cả từ rất sớm. (Qua các cuộc **khai quật khảo cổ học** ...)

- Từ thế kỷ thứ 10
- Từ thời Lý, Trần, Lê
- *Biển, đảo luôn khắc sâu trong tâm thức người Việt.*

2. Quá trình xác lập và thực thi chủ quyền

- ❑ Thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497)
- ❑ Vào nửa đầu thế kỷ XVII
- ❑ Thế kỷ XVIII
- ❑ Các hoạt động của Nhà Nguyễn tại Hoàng Sa và Trường Sa
- ❑ **Sau Hiệp ước Pa-tơ-nốt 1884**
- ❑ **Năm 1887, Pháp và triều đình Mãn Thanh ký công ước hoạch định biên giới trên bộ và trên biển**
- ❑ Suốt thời gian từ 1927 đến 1945

- ❑ Năm 1956, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tuyên bố chủ quyền ở quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa
- ❑ Năm 1956 Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm các đảo phía Đông Hoàng Sa. Năm 1974 chiếm phía Tây Hoàng Sa.
- ❑ Tháng 4/1975, Hải quân Việt Nam giải phóng các đảo ở Trường Sa do quân đội Sài Gòn đóng giữ.

- ❑ Tuyên bố của Chính phủ ngày 12/11/1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam đều **khẳng định chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa**
- ❑ Năm 1979, 1981 và 1988, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã 3 lần công bố **Sách trắng** về 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.
- ❑ Năm 1988, CHND Trung Hoa đã huy động lực lượng vũ trang đánh chiếm các bãi cạn phía tây bắc quần đảo Trường Sa.

- ❑ Năm 1994 Việt Nam phê chuẩn Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982.
- ❑ Năm 2012 Việt Nam ban hành Luật biển

3. Những chứng cứ lịch sử khẳng định Hoàng sa và Trường Sa là của Việt Nam

- Trong các cuốn sách cổ trong và ngoài nước
- Trong các thư tịch cổ và châu bản nhà Nguyễn
- Hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải
- Bản đồ cổ của Việt Nam và nước ngoài
- Lễ hội khao lề thế lính Hoàng Sa
- Hoạt động đánh bắt cá diễn ra từ bao đời ...

4. Khái quát về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Giới thiệu về quần đảo Hoàng Sa

- Quần đảo Hoàng Sa gồm trên **30 đảo, đá, cồn san hô và bãi cạn**; cách đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) khoảng 120 hải lý, cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng 140 hải lý
- **Nhóm An Vĩnh**: bao gồm các đảo tương đối lớn, Đảo Phú Lâm, Đảo Cây, Đảo Linh Côn và các bãi ngầm chính, trong đó đảo lớn nhất là đảo Phú Lâm (khoảng 2,3km²).
- **Nhóm Trăng Khuyết (hay còn gọi là nhóm Lưỡi Liềm)**: có hình cánh cung hay lưỡi liềm gồm có các đảo Hoàng Sa, Hữu Nhật, Duy Mộng, Quang Ảnh, Quang Hòa, Bạch Quỷ, Tri Tôn và các bãi ngầm, trong đó có đảo Hoàng Sa dài 950m, rộng khoảng 650m, diện tích 0,32km².

Giới thiệu quần đảo Trường Sa

- Quần đảo Trường Sa nằm giữa Biển Đông về phía Đông Nam nước ta, phía Bắc là quần đảo Hoàng Sa, phía Đông giáp biển Philippin, phía Nam giáp biển Malaixia, Brunây và Indônêxia.
- Quần đảo **Trường Sa gồm trên 100 hòn đảo nhỏ và bãi san hô** với diện tích vùng biển rộng khoảng 410.000 km².
- Diện tích toàn bộ phần đất nổi của quần đảo khoảng 3km², được chia làm **8 cụm** (Song Tử, Loại Ta, Thị Tứ, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm, Bình Nguyên), đảo cao nhất là Song Tử Tây (khoảng 4 - 6m), đảo lớn nhất là đảo Ba Bình (0,44 km²), sau đó là đảo Nam Yết (0,06 km²).

- **Việt Nam** thực hiện chủ quyền và đóng **giữ 21 đảo**, gồm 9 đảo nổi và 12 đảo đá ngầm với 33 điểm đóng quân.
- Quần đảo Trường Sa **án ngữ đường hàng hải quốc tế nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương**, giữa Châu Âu, Châu Phi, Trung Cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản với các nước Đông Nam Á và Đông Bắc Á, một tuyến đường huyết mạch có lưu lượng tàu thuyền **tấp nập vào hàng thứ 2 trên thế giới** (chỉ sau Địa Trung Hải). Trung bình mỗi ngày có từ 250 đến 300 tàu biển các loại đi qua Biển Đông, trong đó có 15 đến 20% tàu lớn trọng tải trên 30.000 tấn.

III.

QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG

1. Tình hình tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông

a. Các loại tranh chấp:

Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ

Về tranh chấp phân định các vùng biển

Các vùng chồng lấn về lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa của các bên liên quan.

b. Nguyên nhân tranh chấp (có 5 nguyên nhân)

- Do địa lý;
- Do sự tồn tại dai dẳng các tranh chấp về chủ quyền đối với một số nhóm đảo, đảo đá;
- Do có sự chồng lấn giữa các vùng biển;
- Do yêu sách biển của Trung Quốc dựa trên “đường chín đoạn” (đường lưỡi bò);
- Do các hoạt động đơn phương trên thực địa làm thay đổi nguyên trạng.

Nguyên nhân chủ yếu là:

- Do yêu sách biển phi lý của Trung Quốc dựa trên “đường chín đoạn” (đường lưỡi bò);
- Do các hoạt động đơn phương trên thực địa làm thay đổi nguyên trạng.

2. Tình hình tranh chấp trên Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc

❑ Từ đầu năm **2007 đến nay**, tình hình **Biển Đông diễn biến theo chiều hướng phức tạp hơn khi** Trung Quốc liên tiếp có các hoạt động vi phạm chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông.

❑ Năm **2012 Trung Quốc thành lập thành phố “Tam Sa”** trên đảo Hải Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Đã vi phạm luật pháp quốc tế, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

❑ Năm 2014, Trung Quốc ngày càng gia tăng các hoạt động trên thực địa, ngoại giao để độc chiếm Biển Đông, đã **hạ đặt Giàn khoan Hải Dương 981** vào vùng quyền chủ quyền, quyền tài phán của nước ta.

❑ Năm 2015, **Trung Quốc đã tôn tạo bất hợp pháp**, biến các bãi đá ngầm, dải san hô ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thành các đảo nổi với tốc độ nhanh chưa từng có.

❑ Hiện nay, Trung Quốc đã **triển khai các thiết bị quân sự, vũ khí trên các đảo** ở Biển Đông mà Trung Quốc đã dùng vũ lực, chiếm đóng trái phép của Việt Nam.

❑ Tháng 11-2020 Trung Quốc đưa ra dự luật hải cảnh mới **cho phép lực lượng hải cảnh nước này xử dụng vũ khí** trong vùng biển mà Bắc Kinh cho là quyền tài phán của Hoa lục.

❑ Năm 2021, **Trung Quốc Cho 220 tàu dân quân biển neo đậu xung quanh đá Ba Đầu** đánh dấu một bước leo thang nguy hiểm trên. Tổ chức **tập trận bắn đạt thật** trên Biển Đông với tần xuất ngày càng tăng.

3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam

- ❑ Tranh chấp về chủ quyền ở Biển Đông phải được giải quyết bằng các **biện pháp hòa bình**, trên cơ sở luật pháp quốc tế trong đó có **Công ước Luật Biển 1982**.
- ❑ Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình, kiên quyết bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển;
- ❑ Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (**DOC**), cùng các nước ASEAN và Trung Quốc tiến hành đàm phán để sớm đạt được Bộ Quy tắc về ứng xử của các bên ở Biển Đông (**COC**); kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nhưng phải **đảm bảo được môi trường hòa bình** để phát triển..

- ❑ Tiến hành đấu tranh **khôn khéo, linh hoạt, bài bản, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế**, kể cả nhân dân tiến bộ Trung Quốc để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.
- ❑ Chuẩn bị về mọi mặt, nhất là **tăng cường tiềm lực quân sự** quốc phòng để tăng cường phòng thủ đất nước; bồi đắp về **tinh thần, lòng yêu nước** sâu sắc, phát huy tinh thần **đại đoàn kết toàn dân** tộc, củng cố xây dựng thế trận quốc phòng, thế trận an ninh nhân dân.

- ❑ Tập trung **phát triển kinh tế**, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, **giải quyết những mâu thuẫn** trong nội bộ nhân dân để tăng cường sự **đồng thuận**, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc mới đủ sức mạnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của chúng ta.
- ❑ **Đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu** của các thế lực cơ hội, cực đoan, thù địch lợi dụng vấn đề bất đồng về chủ quyền lãnh thổ để kích động, chia rẽ quan hệ giữa nước ta với các nước láng giềng; công kích, xuyên tạc chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về giải quyết những mâu thuẫn trên biển hiện nay là thực hiện tốt phương châm: Bốn không, bốn tránh, chín K, bốn giữ vững.

Bốn không: không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Bốn tránh: tránh xung đột, tránh đối đầu, tránh bị cô lập về chính trị, tránh bị lệ thuộc về chính trị.

Chín K: kiên quyết, kiên trì, khôn khéo, không khiêu khích, không mắc mưu khiêu khích, kiềm chế, không để nước ngoài lấn chiếm và không để xảy ra xung đột, đụng độ, không nổ súng trước.

Bốn giữ vững: giữ vững chủ quyền quốc gia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển; giữ vững quan hệ hữu nghị, hợp tác Việt - Trung; giữ vững ổn định chính trị trong nước.

IV.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu phát triển kinh tế biển của Đảng ta

a. Quan điểm chỉ đạo của Đảng về phát triển kinh tế biển

- Lần đầu tiên, tại *Hội nghị Trung ương 8 (7-2003)*, Đảng ta ban hành Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020
- Tiếp sau đó, tại *Hội nghị Trung ương 8 (10-2018) khóa XII* đã đề ra Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc bảo vệ biển là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân Việt Nam

b. Mục tiêu đến năm 2030

Mục tiêu tổng quát:

- Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;
- đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển;
- hình thành văn hóa sinh thái biển;
- chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;
- ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực;
- phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng.

Mục tiêu cụ thể:

- Các thành phần kinh tế thuần biển đóng góp khoảng 10% GDP; các tỉnh, TP ven biển đóng góp 65-70% GDP đất nước.
- Chỉ số HDI trung bình của các tỉnh ven biển cao hơn TB cả nước; thu nhập cao hơn 1,2 lần.
- Tiếp cận, tận dụng tối đa các thành tựu KH-CN tiên tiến thuộc nhóm dẫn đầu trong ASEAN.

Tầm nhìn đến 2045

- Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn;
- Kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Tham gia chủ động và trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương.

2. Một số chủ trương lớn và giải pháp

a. Một số chủ trương lớn

- **Phát triển các ngành KT biển theo thứ tự ưu tiên:**
 - 1) Du lịch và dịch vụ biển;
 - 2) KT hàng hải;
 - 3) Khai thác dầu khí và tài nguyên khoáng sản khác;
 - 4) Nuôi trồng và khai thác hải sản;
 - 5) Công nghiệp ven biển;
 - 6) Năng lượng tái tạo và các ngành KT biển mới.

Khâu đột phá

- Hoàn thiện thể chế phát triển bền vững kinh tế biển;
- Phát triển KH-CN và nâng chất lượng nguồn nhân lực;
- Phát triển kết cấu hạ tầng đa mục tiêu, đồng bộ mạng lưới giao thông kết nối các trung tâm KT lớn của đất nước, kết nối chiến lược Bắc - Nam, Đông - Tây, giữa các vùng trong nước và với QT.

b. Các giải pháp chủ yếu

- 1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững biển, tạo đồng thuận trong xã hội.
- 2) Hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về PT bền vững KT biển.
- 3) Phát triển KH-CN và điều tra cơ bản.
- 4) Đẩy mạnh giáo dục-đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển.
- 5) Tăng cường năng lực bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực thi pháp luật trên biển.
- 6) Chủ động tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác QT về biển.
- 7) Huy động các nguồn lực, khuyến khích các thành phần KT đầu tư cho phát triển bền vững biển, XD các tập đoàn KT biển mạnh.